

Số: 24/NQ-HĐND

Bình Thủy, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán ngân sách
năm 2026 của phường Bình Thủy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THỦY
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Cần Thơ năm 2026 cho các xã, phường;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của phường Bình Thủy; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán thu ngân sách phường Bình Thủy năm 2026 từ 319.648 triệu đồng lên 326.942 triệu đồng, tăng 7.294 triệu đồng, từ nguồn thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách thành phố.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 từ 304.259 triệu đồng lên 311.553 triệu đồng, tăng 7.294 triệu đồng từ nguồn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho phường Bình Thủy.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy khóa XIII, kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng HĐND thành phố Cần Thơ;
- Văn phòng UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Thường trực UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, ngành phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT. DL

CHỦ TỊCH



Phan Thị Nguyệt

Phụ lục I
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
A	NGÂN SÁCH PHƯỜNG			
I	Nguồn thu ngân sách	319.648	7.294	326.942
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	90.290		90.290
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	185.365	7.294	192.659
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>101.825</i>		<i>101.825</i>
-	<i>Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>46.651</i>		<i>46.651</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>36.889</i>	<i>7.294</i>	<i>44.183</i>
3	Thu kết dư	15.389		15.389
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	28.604		28.604
II	Chi ngân sách	304.259	7.294	311.553
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách phường	275.655	7.294	282.949
2	Chi từ thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	28.604		28.604

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	304.259	7.294	311.553
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	238.766	-	238.766
I	Chi đầu tư phát triển	41.191		41.191
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.134		2.134
a	Từ nguồn tiền sử dụng đất	8.238		8.238
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.059		23.059
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	9.894	-	9.894
II	Chi thường xuyên	192.893		192.893
	Trong đó:	-		-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	127.711		127.711
2	Chi khoa học và công nghệ	300		300
III	Dự phòng ngân sách	4.682		4.682
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.889	7.294	44.183
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.889	7.294	44.183
1	Chi đầu tư			
2	Chi thường xuyên	36.889	7.294	44.183
C	CHI CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC MANG SANG	28.604		28.604

Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	304.259	7.294	311.553
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	238.766	-	238.766
I	Chi đầu tư phát triển	41.191	-	41.191
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.256	37.935	41.191
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	187	1.947	2.134
	Chi y tế, dân số và gia đình	121	2.366	2.487
	Chi các hoạt động kinh tế	2.828	31.489	34.317
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	120	2.133	2.253
2	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết	37.935	-37.935	-
II	Chi thường xuyên	192.893	-	192.893
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	127.711	-	127.711
	- Chi sự nghiệp giáo dục	126.711		126.711
	- Chi đào tạo	1.000		1.000
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	300		300
3	Chi quốc phòng	4.180		4.180
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.263		2.263
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-		-
6	Chi văn hóa thông tin	1.704	-	1.704
7	Chi phát thanh	631		631
8	Chi thể dục thể thao	631	100	731
9	Chi bảo vệ môi trường	2.000		2.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	4.000	-	4.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.493	68	30.561
12	Chi bảo đảm xã hội	15.177	-	15.177
13	Chi thường xuyên khác	3.803	-168	3.635
III	Dự phòng ngân sách	4.682		4.682
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	36.889	7.294	44.183
I	Chi đầu tư	-		-
II	Chi thường xuyên	36.889	7.294	44.183
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.147	-	6.147
	- Chi sự nghiệp giáo dục	6.147		6.147
2	Chi quốc phòng	134	2.000	2.134
3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	300	-	300
4	Chi y tế, dân số và gia đình	1.708	2.998	4.706
5	Chi văn hóa thông tin	-	704	704
6	Chi phát thanh	-		-

STT	Nội dung	Dự toán giao (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
7	Chi thể dục thể thao	-	215	215
8	Chi bảo vệ môi trường	-		-
9	Chi các hoạt động kinh tế	-	81	81
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.290	-	2.290
11	Chi bảo đảm xã hội	26.311	1.296	27.606
C	CHI CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	28.604		28.604

Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHI
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Trong đó:	
			Tăng (+)	Giảm (-)
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	7.294	55.315	-48.022
A	TỔNG CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	-	47.228	-47.228
I	Chi đầu tư phát triển	-	37.935	-37.935
1	Chi đầu tư cho các dự án	37.935	37.935	
2	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết	-37.935		-37.935
II	Chi thường xuyên	-	9.293	-9.293
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	532	-532
1.1	Sự nghiệp giáo dục	-	516	-516
1.1.1	Khối Trường mầm non	6	6	
	- Trường MN Bình Thủy	6	6	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	6	6	
1.1.2	- Khối Trường tiểu học	231	231	
	- Trường Tiểu học An Thới 1	93	93	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	93	93	
	- Trường Tiểu học An Thới 2	61	61	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	61	61	
	- Trường Tiểu học Bình Thủy	36	36	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	36	36	
	- Trường Tiểu học Bình Thủy 2	41	41	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	41	41	
1.1.3	Khối Trường trung học cơ sở	243	243	
	- Trường THCS An Thới	243	243	
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	243	243	
1.1.4	Phòng Văn hóa - Xã hội	36	36	
	- Kinh phí tham gia giải thể thao học sinh phổ thông thành phố Cần Thơ năm 2026	36	36	
1.1.5	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chi thường xuyên phát sinh ngân sách phường	-516		-516
	+ Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập học kỳ II năm học 2025-2026	-480		-480
	- Kinh phí tham gia giải thể thao học sinh phổ thông thành phố Cần Thơ năm 2026	-36		-36
1.2	Sự nghiệp đào tạo	-	16	-16
	- Văn phòng Đảng ủy	16	16	
	+ Kinh phí đào tạo công chức	16	16	
	- Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	-16		-16
	+ Kinh phí đào tạo công chức	-16		-16
2	Quốc phòng	-	2.480	-2.480
	- Văn phòng HĐND& UBND	-2.440	40	-2.480
	+ Điều chỉnh giảm dự toán chi quốc phòng	-2.480		-2.480
	+ Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách	40	40	
	- Ban Chỉ huy QS	1.941	1.941	
	+ Điều chỉnh giảm dự toán chi quốc phòng	1.941	1.941	
	- Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	499	499	
	+ Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	475	475	
	+ Kinh phí khen thưởng Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	24	24	
3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-	523	-523
3.1	Văn phòng HĐND và UBND	523	523	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách lực lượng An ninh cơ sở	500	500	

STT	NỘI DUNG	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Trong đó:	
			Tăng (+)	Giảm (-)
	+ Kinh phí Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở	23	23	
3.2	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	-523		-523
	+ Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách lực lượng An ninh cơ sở	-500		-500
	+ Kinh phí Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở	-23		-23
4	Chi y tế, dân số và gia đình			
5	Chi văn hóa thông tin	-	734	-734
5.1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-704	30	-734
	- Điều chỉnh kinh phí chi lương và hoạt động thường xuyên	-	30	-30
	- Điều chỉnh nguồn kinh phí chi lương, phụ cấp và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ	-704		-704
5.2	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	704	704	
	- Điều chỉnh nguồn kinh phí chi lương, phụ cấp và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ	704	704	
6	Chi phát thanh			
7	Thể dục thể thao	100	566	-466
7.1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	85	351	-266
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao lần X năm 2026 phường Bình Thủy	300	300	
	+ Điều chỉnh nguồn kinh phí chi lương, phụ cấp và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ	-215		-215
	+ Điều chỉnh kinh phí chi lương và hoạt động thường xuyên	-	51	-51
7.2	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	15	215	-200
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao lần X năm 2026 phường Bình Thủy	-200		-200
	+ Điều chỉnh nguồn kinh phí chi lương, phụ cấp và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ	215	215	
8	Chi bảo vệ môi trường	-	1.204	-1.204
8.1	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.204	1.204	-
	+ Kinh phí thực hiện dịch vụ vận chuyển và vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bình Thủy	1.204	1.204	
8.2	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	-1.204	-	-1.204
	+ Kinh phí thực hiện dịch vụ vận chuyển và vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Bình Thủy	-1.204		-1.204
9	Chi các hoạt động kinh tế	-	2.191	-2.191
9.1	Kiến thiết thị chính	2.110	2.110	
	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	2.110	2.110	
	+ Kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí các ngày Lễ, Tết	600	600	
	+ Kinh phí duy tu cây xanh trên địa bàn phường Bình Thủy	1.510	1.510	
9.2	Nông nghiệp	-	81	-81
	- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-	81	-81
	+ Kinh phí chi lương, các khoản đóng góp theo lương và hoạt động thường xuyên	-	81	-81
9.3	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	-2.110		-2.110
	+ Kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, đèn trang trí các ngày Lễ, Tết	-600		-600
	+ Kinh phí duy tu cây xanh trên địa bàn phường Bình Thủy	-1.510		-1.510
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	68	273	-205
10.1	Quản lý nhà nước	208	208	-
	- Văn phòng HĐND & UBND	140	140	-
	+ Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, đăng kiểm, bảo hiểm, nhiên liệuxe ô tô phục vụ công tác chung (tiếp nhận xe từ TP điều chuyển)	80	80	
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí chi trả hoạt động chung tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Bình Thủy	60	60	
	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	68	68	
	+ Kinh phí tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu dịch vụ công ích năm 2026	68	68	
10.2	Đảng	-	50	-50
	+ Kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ	50	50	
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí chi phụ cấp, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường	-50		-50
10.3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN phường	-45	15	-60
	+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nhiệm kỳ 2026 - 2029	15	15	
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí chi trả hoạt động chung tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Bình Thủy	-60		-60
10.4	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	-95	-	-95
	+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nhiệm kỳ 2026 - 2029	-15	-	-15

STT	NỘI DUNG	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Trong đó:	
			Tăng (+)	Giảm (-)
	+ Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, đăng kiểm, bảo hiểm, nhiên liệuxe ô tô phục vụ công tác chung (tiếp nhận xe từ TP điều chuyển)	-80		-80
	+ Kinh phí thăm hỏi, chúc mừng các cơ sở tôn giáo trên địa bàn phường	-		-
11	Đảm bảo xã hội	-	790	-790
11.1	Phòng Văn hóa - Xã hội	-790		-790
	+ Kinh phí trợ cấp khó khăn Tết Nguyên đán năm 2026 (Thông báo số 21/TB-UBND)	-9		-9
	+ Điều chỉnh nguồn kinh phí trợ cấp khó khăn Tết Nguyên đán năm 2026 (Thông báo số 21/TB-UBND)	-781		-781
11.2	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ chỉ thường xuyên phát sinh ngân sách phường	790	790	-
	+ Kinh phí trợ cấp khó khăn Tết Nguyên đán năm 2026 (Thông báo số 21/TB-UBND)	9	9	-
	+ Điều chỉnh nguồn kinh phí trợ cấp khó khăn Tết Nguyên đán năm 2026 (Thông báo số 21/TB-UBND)	781	781	
12	Chi khác	-168		-168
	+ Kinh phí tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu dịch vụ công ích năm 2026	-68		-68
	+ Kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao lần X năm 2026 phường Bình Thủy	-100		-100
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	7.294	7.924	-630
I	Chi đầu tư phát triển			
II	Chi thường xuyên	7.294	7.924	-630
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	53	-53
1.1	Sự nghiệp giáo dục	-	53	-53
1.1.1	Khối Trường mầm non	19	19	
	- Trường MN Phong Lan	2	2	
	+ Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	2	2	
	- Trường MN Bình Thủy	8	8	
	+ Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ chi phí học tập	8	8	
	- Trường MN Sơn Ca	5	5	
	+ Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	5	5	
	- Trường MN Hòa Mi	4	4	
	+ Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	4	4	
1.1.2	- Khối Trường tiểu học	20	20	
	- Trường Tiểu học An Thới 1	8	8	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	8	8	
	- Trường Tiểu học An Thới 2	6	6	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	6	6	
	- Trường Tiểu học Bình Thủy	3	3	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	3	3	
	- Trường Tiểu học Bình Thủy 2	3	3	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	3	3	
1.1.3	Khối Trường trung học cơ sở	14	14	
	- Trường THCS An Thới	14	14	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	14	14	
	- Trường THCS Bình Thủy	1	1	
	+ Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	1	1	
1.1.4	Phòng Văn hóa - Xã hội	-	-	
1.1.5	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	-53		-53
1.2	Sự nghiệp đào tạo	-	-	
2	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	-		
3	Chi quốc phòng	2.000	2.000	
3.1	- Ban Chỉ huy Quân sự	2.000	2.000	
	+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng (chi tiền các khoản phụ cấp; chi tiền ăn, tiền trợ cấp ngày công lao động của dân quân; chi tiền mua BHYT, BHXH, trợ cấp một lần đối với dân quân thường trực,... theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 12/11/2025 của UBND TPCT	2.000	2.000	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
5	Chi y tế dân số và gia đình	2.998	2.998	
5.1	Trạm Y tế	2.998	2.998	
	- Kinh phí thực hiện chi lương và các khoản đóng góp theo lương; chi hoạt động; phụ cấp tổ y tế; chi công tác phòng bệnh ...	2.998	2.998	
6	Chi văn hóa thông tin	704	704	
	- Kinh phí thực hiện các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ; chi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	704	704	
7	Thể dục thể thao	215	215	

STT	NỘI DUNG	Dự toán sửa đổi, bổ sung	Trong đó:	
			Tăng (+)	Giảm (-)
	- Kinh phí thực hiện các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ; chi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	215	215	
8	Chi các hoạt động kinh tế	81	81	
8.1	Nông nghiệp	81	81	
	- Kinh phí thực hiện các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ; chi hoạt động và thực hiện nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	81	81	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	577	-577
9.1	Quản lý nhà nước	-567	-	-567
	- Phòng Văn hóa - Xã hội	-567	-	-567
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	-567		-567
9.2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	-10	-	-10
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	-10		-10
9.3	Kinh phí chưa phân bổ	577	577	-
	+ Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	577	577	
10	Đảm bảo xã hội	1.296	1.296	
10.1	Phòng Văn hóa - Xã hội	1.296	1.296	
	+ Điều chỉnh nguồn kinh phí trợ cấp khó khăn Tết Nguyên đán năm 2026 (Thông báo số 21/TB-UBND)	781	781	
	- Kinh phí chúc thọ, mừng thọ Người Cao tuổi (các cụ tròn 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi)	515	515	
C	CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	-	163	-163
1	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	163	163	-
	Đảng	163	163	-
	+ Kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách phường theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ	163	163	
2	Kinh phí thực hiện CCTL (cấp NS)	-163		-163

Phụ lục V

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	Ghi chú
						Chi giao thông	Quy hoạch		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3+4 +7</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=5+6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>C</i>
	Tổng số	41.191	2.134	2.487	34.317	34.217	100	2.253	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	41.191	2.134	2.487	34.317	34.217	100	2.253	

Phụ lục VI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bình Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/5/2026			Phân bổ vốn năm 2026 (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2026)				Điều chỉnh phân bổ vốn năm 2026 (lần 1)				Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
					Tổng mức vốn đầu tư																			
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách địa phương			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ					92.217	-	92.217	41.191	-	41.191	41.191	23.059	9.894	8.238	-	-	-	-	41.191	23.059	9.894	8.238	
*	Lĩnh vực giáo dục					2.189	-	2.189	187	-	187	187		187		1.947	-	1.947	-	2.134	-	2.134	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					2.189	-	2.189	187	-	187	187	-	187	-	1.947	-	1.947	-	2.134	-	2.134	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Bình Thủy	P. Bình Thủy	Nhà ăn, hàng rào, bể nước ngầm hệ thống PCCC, vỉa hè, lối vào... của Trường	26-28	Số 997/QĐ-UBND ngày 15/6/2026	2.189		2.189	187		187	187		187		1.947		1.947		2.134	-	2.134	-	
*	Lĩnh vực y tế					2.627	-	2.627	121	-	121	121		121		2.366	-	2.366	-	2.487	-	2.487	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					2.627	-	2.627	121	-	121	121	-	121	-	2.366	-	2.366	-	2.487	-	2.487	-	-
2	Nâng cấp, cải tạo Trạm Y tế phường Bình Thủy (Bệnh viện Đa khoa quận Bình Thủy (cũ))	P. Bình Thủy	Cải tạo toàn bộ khối nhà chính và các hạng mục phụ trợ	26-28	Số 985/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	2.627		2.627	121		121	121		121		2.366		2.366		2.487	-	2.487	-	
*	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					2.378	-	2.378	120	-	120	120	-	120	-	2.133	-	2.133	-	2.253	-	2.253	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					2.378	-	2.378	120	-	120	120	-	120	-	2.133	-	2.133	-	2.253	-	2.253	-	
3	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Đảng ủy-Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân-Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Chỉ huy quân sự phường và mua sắm máy móc thiết bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường	P. Bình Thủy	Nâng cấp, cải tạo phòng làm việc, hội trường, phòng truyền thống, phòng kho, nhà vệ sinh, nâng nền tầng hầm và thay đèn chiếu sáng, lắp quạt hút, thay các ổ khóa bốp cho các cửa và các phụ kiện bị hư hỏng; ... Mua sắm máy móc thiết bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc phường	26-28	Số 961/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	2.378		2.378	120		120	120		120		2.133		2.133		2.253	-	2.253	-	
*	Quy hoạch					-	-	-	100	-	100	100		100		-	-	-	-	100	-	100	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					-	-	-	100	-	100	100		100						100	-	100	-	
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Bình Thủy	P. Bình Thủy	1.517ha	26-28					100		100	100		100		-	-	-	-	100	-	100	-	
*	Lĩnh vực giao thông					76.260	-	76.260	2.728	-	2.728	2.728		2.728		31.489	23.059	192	8.238	34.217	23.059	2.920	8.238	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết ngày 31/5/2026			Phân bổ vốn năm 2026 (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/3/2026)				Điều chỉnh phân bổ vốn năm 2026 (lần 1)				Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
					Tổng mức vốn đầu tư																			
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách địa phương			Tổng số	Ngân sách địa phương			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất		Xổ số kiến thiết	Cân đối NSDP	Sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị					76.260	-	76.260	2.728	-	2.728	2.728	-	2.728	-	31.489	23.059	192	8.238	34.217	23.059	2.920	8.238	
5	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Truyền Thanh và đường nhánh vào trụ sở UBNDTTQ Việt Nam phường Bình Thủy	P. Bình Thủy	1.140x7-7,5m và vỉa hè 02 bên (3,5-6,25m)	26-28	Số 999/QĐ-UBND ngày 15/6/2026	26.731		26.731	850		850	850		850		10.910	10.539	371		11.760	10.539	1.221	-	
6	Nâng cấp, cải tạo đường Huỳnh Mẫn Đạt	P. Bình Thủy	565x19,5m (đã tính vỉa hè 02 bên đường)	26-28	Số 869/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	15.770		15.770	588		588	588		588		7.403	7.453	-50		7.991	7.453	538	-	
7	Nâng cấp, cải tạo Hẻm 5, khu vực 6 phường Bình Thủy	P. Bình Thủy	1.137,79x3,5-4m	26-28	Số 923/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	5.549		5.549	293		293	293		293		2.333	2.392	-59		2.626	2.392	234	-	
8	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Quang Diệu (từ đoạn giao nhau với đường Lê Phước Thọ đến sông Bình Thủy)	P. Bình Thủy	1.341,69x6m	26-28	Số 924/QĐ-UBND ngày 01/6/2026	19.485		19.485	595		595	595		595		7.517	2.675	-65	4.907	8.112	2.675	530	4.907	
9	Nâng cấp, cải tạo Hẻm 10 đường Lê Hồng Phong nối ra Hẻm 2, Hẻm 4 đường Bùi Hữu Nghĩa và tuyến nhánh nối với đường Nguyễn Truyền Thanh	P. Bình Thủy	1.255x4-7m	26-28	Số 870/QĐ-UBND ngày 26/5/2026	8.725		8.725	402		402	402		402		3.326		-5	3.331	3.728	-	397	3.331	
*	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết					8.763		8.763	37.935		37.935	37.935	23.059	6.638	8.238	-37.935	-23.059	-6.638	-8.238	-	-	-	-	